

TUẦN 2
(Từ 25/08 đến ngày 29/8/2014)

Thứ/n gày	Tiết	Môn	PPCT	Tên bài dạy
Hai 25/8	1	Chào cờ	2	Chào cờ đầu tuần
	2	Học vần	11	Dấu hỏi, dấu nặng
	3	Học vần	12	Dấu hỏi, dấu nặng
	4	Thể dục	2	
	5	Đạo đức	2	Em là học sinh lớp 1 (T2) KNS
Ba 26/8	1	Toán	5	Luyện tập
	2	Học vần	13	Dấu huyền, dấu ngã
	3	Học vần	14	Dấu huyền, dấu ngã
	4	Âm nhạc		Quê hương tươi đẹp (T1)
Tư 27/8	1	Toán	6	Các số 1,2,3
	2	Học vần	15	Ôn tập(be, bè,bé,bê,bễ,bệ)
	3	Học vần	16	Ôn tập(be, bè,bé,bê,bễ,bệ)
	4	TNXH	2	Chúng ta đang lớn
Năm 28/8	1	Toán	7	Luyện tập
	2	Học vần	17	ê-v
	3	Học vần	18	ê-v
	4	Mĩ thuật	2	Vẽ nét thẳng
	5	Thủ công	2	Xé, dán HCN (T1)
Sáu 29/8	1	Toán	8	Các số 1,2,3,4,5
	2	Tập viết	1	Tô các nét cơ bản
	3	Tập viết	2	Tập tô e, be, bé
	4	HĐTT	2	Sinh hoạt cuối tuần- HĐ ngoại khóa
	5	KNS	2	Hòa nhập với môi trường mới (Tiết 2)

Thứ hai, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Học vần

Bài: DẤU HỎI – DẤU NẶNG

I. Mục tiêu:

- Nhận biết được dấu hỏi và thanh hỏi, dấu nặng và thanh nặng.
- Đọc được bẻ, be.
- Trả lời được 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh trong SGK.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bộ ghép chữ Học vần.
- Tranh minh họa các tiếng khi, giò, hồ, mỏ, thỏ, nụ, cụ, ngựa, cọ, quạ
- Tranh minh họa phần luyện nói.

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định: hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS viết dấu sắc.- Gọi 3-4 HS đọc tiếng bé.- GV nhận xét ghi điểm cho hs <p>3. Bài mới:</p> <p>a. Giới thiệu bài:</p> <p>* Dấu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV treo tranh minh họa và hỏi: Tranh vẽ gì?- GV ghi các tiếng lên bảng và hỏi: Các tiếng này có gì giống nhau?- Hôm nay chúng ta sẽ học dấu hỏi. <p>* Dấu nặng: giới thiệu như dấu hỏi.</p> <p>b. Dạy dấu thanh:</p> <p>* Dấu hỏi:</p> <p>Nhận diện dấu thanh:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV giơ dấu hỏi lên và nói: Đây là dấu hỏi.- GV hỏi: Dấu hỏi gần giống nét nào?- GV yêu cầu HS tìm dấu hỏi trong bộ Học vần. <p>Ghép chữ và đọc:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS ghép tiếng be.- GV ghép mẫu tiếng bẻ và đánh vần bờ - e – be – hỏi – bẻ - bẻ.- GV yêu cầu HS lấy thêm dấu hỏi, ghép tiếng bẻ và đánh vần tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp.- GV hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ Dấu hỏi nằm ở vị trí nào?+ Hãy phân tích tiếng bẻ?	<ul style="list-style-type: none">- 2-3 HS viết dấu sắc- 3-4 HS đọc tiếng bé. <ul style="list-style-type: none">- HS quan sát tranh và trả lời: vẽ khi, hồ, giò, mỏ, thỏ.- Đều có dấu thanh <ul style="list-style-type: none">- HS quan sát.- HS trả lời: Giống nét móc trên.- HS tìm dấu hỏi trong bộ Học vần. <ul style="list-style-type: none">- HS ghép tiếng be.- HS quan sát, lắng nghe. <ul style="list-style-type: none">- HS lấy thêm dấu hỏi, ghép và đánh vần tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp.- HS trả lời:<ul style="list-style-type: none">+ Dấu hỏi nằm trên âm e.+ Tiếng bẻ gồm: âm b đứng trước, âm e đứng sau, dấu hỏi nằm trên âm

- GV cho HS đọc tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp.
- GV yêu cầu HS nói nội dung của từng bức tranh, GV ghi bảng: khí, gió, hồ, mỏ, thỏ.
- GV yêu cầu HS lên bảng gạch chân dấu hỏi.

* **Dấu nặng:** Tiến hành phân nhận diện dấu thanh, ghép chữ và đọc tương tự như dấu hỏi.

Viết dấu thanh và chữ:

* **Dấu hỏi và tiếng bẻ:**

- GV cho HS xem mẫu dấu hỏi viết sẵn trong khung ô li.
- GV hướng dẫn viết dấu hỏi lên bảng có kẻ ô li và giới thiệu cho HS biết: Dấu hỏi được viết trên đường kẻ thứ 3.
- GV cho HS viết bảng con dấu hỏi. GV chú ý chỉnh sửa cho HS.

- GV hướng dẫn HS viết tiếng bẻ Sau đó cho HS viết bảng con tiếng bẻ. GV lưu ý dấu hỏi nằm trên đường kẻ thứ 3 ngay trên chữ e.

* **Dấu nặng và tiếng bẻ:** Tiến hành tương tự như trên.

TIẾT 2

c. Luyện tập:

+ **Luyện đọc:**

- GV cho HS tiếp nối nhau đọc lại dấu hỏi, tiếng bẻ, dấu nặng, tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp. GV chỉnh sửa cho HS phát âm chưa đúng.
- GV yêu cầu HS phân tích lại tiếng bẻ, bẻ.

+ **Luyện viết:**

- GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết và cho HS tập tô bẻ, bẻ trong vở Tập viết 1, tập 1.
- GV chấm một số tập và nhận xét bài viết của HS.

+ **Luyện nói:**

- GV lần lượt treo từng tranh lên bảng và đặt câu

e.

- HS đọc tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp.
- 5HS nói nội dung tranh: khí, gió, hồ, mỏ, thỏ.
- 2HS lên bảng gạch chân dấu hỏi.

- HS quan sát.

- HS quan sát, lắng nghe.

- HS viết bảng con dấu hỏi.

- HS quan sát GV hướng dẫn viết tiếng bẻ. Sau đó HS viết bảng con tiếng bẻ.

- HS viết bảng con:

- HS nối tiếp nhau đọc dấu hỏi, tiếng bẻ, dấu nặng, tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp.

- HS phân tích tiếng bẻ, bẻ.

- HS tập tô bẻ, bẻ vào Tập viết.

- HS quan sát và trả lời câu hỏi của

<p>hỏi cho HS trả lời về nội dung bức tranh:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tranh vẽ cảnh gì?+ Tranh vẽ hoạt động của những ai?+ Hoạt động của họ giống nhau ở điểm nào?+ Tiếng bẻ còn dùng trong những hoạt động nào? <p>- III. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS tìm những tiếng khác có chứa dấu hỏi, dấu nặng.- Nhận xét tiết học.- Dặn HS về nhà đọc lại bài.	<p>GV phù hợp với từng tranh:</p> <ul style="list-style-type: none">+ T1: Bác nông dân đang bẻ ngô.T2: Mẹ đang bẻ củ áo cho bé.T3: Bạn nhỏ đang bẻ bánh chia cho các em. <ul style="list-style-type: none">+ Tranh vẽ hoạt động của bác nông dân, của mẹ và của bạn nhỏ.+ Giống nhau là họ đều có hoạt động bẻ.+ Bẻ củi, bẻ ngón tay,... <ul style="list-style-type: none">- HS thi nhau tìm tiếng có chứa dấu hỏi: củ, chẻ, nghỉ ngơi,....Dấu nặng: chậ, cậ, con ghe,...- HS lắng nghe.
---	---

Đạo đức

Bài: EM LÀ HỌC SINH LỚP MỘT. (TIẾT 2)

Đã soạn ở Tiết 1 (Tuần 1)

Thứ ba, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Toán

Bài: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác.
- Ghép các hình đã biết thành hình mới.
- Làm BT1, 2

II. Đồ dùng dạy học:

- Sách Toán 1.
- Một số hình tam giác, hình tròn, hình vuông.
- Bộ đồ dùng học toán (que tính, con số, các hình cơ bản,...).

III. Các hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ổn định: hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đưa ra một số hình vuông, hình tròn, hình tam giác và hỏi HS: Đây là hình gì?- GV nhận xét, ghi điểm cho HS. <p>3. Bài mới:</p> <p>a. iới thiệu bài: GV giới thiệu bài và ghi tựa bài</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời tên hình phù hợp với hình mà GV đưa ra.

<p>lên bảng.</p> <p>b. Hướng dẫn học sinh luyện tập</p> <p>* Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu bài tập 1 và hướng dẫn cho HS nêu lại yêu cầu bài tập.- GV cho HS tô màu các hình vào sách toán.- Gv lưu ý cho hs:<ul style="list-style-type: none">+ Các hình vuông tô cùng một màu.+ Các hình tam giác tô cùng một màu.+ Các hình tròn tô cùng một màu.- GV quan sát và nhận xét một số bài tô của HS. <p>* Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV lấy ra hình vuông, hình tam giác, nêu yêu cầu bài tập 2 và hướng dẫn cho HS nêu lại yêu cầu bài tập.- GV làm mẫu hình (a). Sau đó, yêu cầu HS lấy hình vuông và hình tam giác ra ghép các hình (b), (c).- GV treo hình (b) và cho HS phân tích hình (b) gồm những hình nào ghép lại với nhau?- GV nhận xét và cho HS ghép hình (b).- Hình (c): tiến hành tương tự như hình (b). <p>4. củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nhắc lại tựa bài- Giáo dục HS yêu thích học môn Toán.- Nhận xét tiết học.- Dặn HS về nhà thử ghép những hình đã học thành những hình khác.	<ul style="list-style-type: none">- HS nhắc lại yêu cầu bài tập 1.- HS tô màu hình vào sách toán.- HS nhắc lại yêu cầu bài tập 2.- HS quan sát và lấy các hình theo yêu cầu của GV.- HS quan sát, trả lời: hình (b) gồm 1 hình vuông ở giữa và 2 hình tam giác 2 bên hoặc gồm 3 hình tam giác.- HS ghép hình (b).- Hình (c) gồm 2 hình tam giác. Sau đó, HS tiến hành ghép hình (c).- HS nhắc lại.- HS lắng nghe.
--	---

Học vần

Bài: DẤU HUYỀN – DẤU NGÃ.

I. Mục tiêu:

- Nhận biết được dấu huyền và thanh huyền, dấu ngã và thanh ngã.
- Đọc được bè, bễ
- Trả lời được 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh trong SGK.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bộ ghép chữ Học vần.
- Tranh minh họa các tiếng mèo, dứa, cò, gà, vẽ, võ, võng, gỗ.
- Tranh minh họa phần luyện nói.

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định: hát</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2-3 HS lên bảng viết dấu sắc, dấu hỏi, dấu nặng trên bảng. - Gọi 3-4 HS đọc tiếng: bê, be - Nhận xét, ghi điểm. <p>3. Bài mới:</p> <p>a. Giới thiệu bài:</p> <p style="padding-left: 20px;">* Dấu huyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết trước chúng ta đã học dấu gì và thanh gì? - GV liên hệ sang bài mới. - GV treo tranh minh họa yêu cầu hs quan sát sau đó trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì? - GV ghi các tiếng trên lên bảng và hỏi HS; Các tiếng này có điểm nào giống nhau? - Hôm nay chúng ta học bài dấu huyền. <p style="padding-left: 20px;">* Dấu ngã: Giới thiệu tương tự như dấu huyền.</p> <p>b. Dạy dấu thanh:</p> <p style="padding-left: 20px;">* Dấu huyền:</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Nhận diện dấu thanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giơ dấu huyền lên và nói: Đây là dấu huyền. - GV hỏi: Dấu huyền gần giống nét nào? - GV yêu cầu HS tìm dấu huyền trong bộ Học vần. <p style="padding-left: 40px;">+ Ghép chữ và đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS ghép tiếng be. - GV ghép mẫu tiếng be và đánh vần bờ - e – be – huyền – be - be. - GV yêu cầu HS lấy thêm dấu huyền, ghép tiếng be và đánh vần tiếng be cá nhân, dãy, lớp. - GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Dấu huyền nằm ở vị trí nào? + Hãy phân tích tiếng be? <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc tiếng be cá nhân, dãy, lớp. - GV yêu cầu HS nói nội dung của từng bức tranh, GV ghi bảng: mèo, dứa, cò, gà - GV yêu cầu HS lên bảng gạch chân dấu huyền. <p style="padding-left: 20px;">* Dấu ngã: Tiến hành phân nhận diện dấu thanh,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS viết -3-4 HS đọc bài. <ul style="list-style-type: none"> - Dấu hỏi, dấu nặng và thanh hỏi, thanh nặng. - HS quan sát tranh và TL: Vẽ mèo, gà, cò, cây dứa. - Đều có dấu thanh. <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát. - HS trả lời: Giống nét xiên phải. - HS tìm dấu huyền trong bộ Học vần. - HS ghép tiếng be. - HS quan sát, lắng nghe. - HS lấy thêm dấu huyền, ghép và đánh vần tiếng be cá nhân, dãy, lớp. - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Dấu huyền nằm trên âm e. + Tiếng be gồm: âm b đứng trước, âm e đứng sau, dấu huyền nằm trên âm e. - HS đọc tiếng be cá nhân, dãy, lớp. - 4HS nói nội dung tranh: mèo, dứa, cò, gà. - 2HS lên bảng gạch chân dấu huyền.

ghép chữ và đọc tương tự như dấu huyền.

+ **Viết dấu thanh và chữ:**

* **Dấu hỏi và tiếng bẻ:**

- GV cho HS xem mẫu dấu huyền viết sẵn trong khung ô li.

- GV hướng dẫn viết dấu huyền lên bảng có kẻ ô li và giới thiệu cho HS biết: Dấu huyền được viết trên đường kẻ thứ 3.

- GV cho HS viết bảng con dấu huyền. GV chú ý chỉnh sửa cho HS.

- GV hướng dẫn HS viết tiếng bè. Sau đó cho HS viết bảng con tiếng bè. GV lưu ý dấu huyền nằm trên đường kẻ thứ 3 ngay trên chữ e.

* **Dấu ngã và tiếng bẻ:** Tiến hành tương tự như trên.

TIẾT 2

c. Luyện tập:

+ **Luyện đọc:**

- GV cho HS tiếp nối nhau đọc lại dấu huyền, tiếng bè, dấu ngã, tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp. GV chỉnh sửa cho HS phát âm chưa đúng.

- GV yêu cầu HS phân tích lại tiếng bè, bẻ.

+ **Luyện viết:**

- GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết và cho HS tập tô bè, bẻ trong vở Tập viết 1, tập 1.

- GV chấm một số tập và nhận xét bài viết của HS.

+ **Luyện nói:**

- GV treo tranh lên bảng và đặt câu hỏi cho HS trả lời về nội dung bức tranh:

+ Tranh vẽ cảnh gì?

+ Bè thường được làm bằng gì?

+ Bè dùng để làm gì?

- GV kết luận: Bè là một khối hình tấm gồm

- HS quan sát.

- HS quan sát, lắng nghe.

- HS viết bảng con dấu huyền:

- HS quan sát GV hướng dẫn viết tiếng bè. Sau đó HS viết bảng con tiếng bè.

- HS viết bảng con:

- HS nối tiếp nhau đọc dấu huyền, tiếng bè, dấu ngã, tiếng bẻ cá nhân, dãy, lớp.

- HS phân tích tiếng bè, bẻ.

- HS tập tô bè, bẻ vào Tập viết.

- HS quan sát và trả lời câu hỏi của GV:

+ Tranh vẽ chiếc bè trên sông.

+ Bè thường được làm bằng gỗ.

+ Bè được dùng để vận chuyển hàng hóa trên sông.

- HS lắng nghe.